

Bản án số: 15/2021/ KDTM - ST

Ngày: 26 - 3 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Tiến Thanh

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST - KDTM ngày 05/01/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXX-ST ngày 24 /02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B, Thanh Hóa, theo văn bản Ủy quyền số 804/QĐ - BIDV ngày 27/8/2019.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B, Thanh Hóa, theo văn bản Ủy quyền số 16A/QĐ-BIDV. BS ngày 02/01/2020

Ông Đỗ Quang D – sinh năm 1984: Giám đốc Phòng giao dịch H, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị M - sinh năm 1969, (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V, mà người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, yêu cầu giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn,

1.Về Hợp đồng tín dụng: Bà Lê Thị M là hộ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đã ký kết Hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V (sau đây gọi là BIDV). Tại HĐTD số 01/2018/6743698/HĐTD, xác lập ngày 13/9/2018 và Ủy nhiệm chi số 0100 và số 0098, cùng ngày 13/9/2018. Thẻ hiện, bà Lê Thị M đã vay số tiền là 550.000.000đ, (năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 13/9/2018 đến ngày 13/8/2019. Số tiền vay được giải ngân theo hình thức chuyển khoản, theo các tài khoản số: TK 505.10.00.0268339 tại Ngân hàng BIDV mang tên Lê Thị M -1 và TK số: 505.10.00.00.1213.8 tại Ngân hàng BIDV mang tên Đinh Văn C. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 7,8%/năm, được áp dụng đến ngày 13/12/2018 và được điều chỉnh lãi suất theo thông báo của Ngân hàng BIDV tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, số tiền vay nợ gốc được trả một lần vào cuối kỳ hạn của HĐTD, tiền lãi được trả nợ vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện HĐTD, bà Lê Thị M không thực hiện việc trả nợ lãi hàng tháng nên khoản nợ trên được chuyển thành nợ quá hạn.

Ngân hàng BIDV đã thông báo cho bà Lê Thị M trả nợ nhưng cũng bà M vẫn không có thiện chí thậm chí còn lẩn tránh nghĩa vụ. Nay BIDV đề nghị, buộc bên vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo HĐTD kể từ ngày giải ngân đến ngày xét xử sơ thẩm và phải chịu lãi chậm trả phát sinh cho đến khi thanh toán hết số tiền vay cho BIDV. Các khoản phí phát sinh khác ngoài khoản vay BIDV không yêu cầu bên vay phải thanh toán chi phí. Tính đến ngày 26/3/2021, bà Lê Thị M còn nợ của BIDV tổng số tiền cụ thể:

Nợ gốc 550.000.000đ; nợ lãi trong hạn trên nợ gốc 91.917.808đ và lãi quá hạn trên nợ gốc là 34.731.370đ. Tổng cộng: 676.649.178 đồng.

2.Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm khoản vay, bà Lê Thị M đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa số 242, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 41m², đất được Nhà nước công nhận cấp quyền sử dụng đất, tại thôn B, xã N, huyện H, mang tên bà Lê Thị M. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại văn phòng công chứng H, do công chứng viên Vũ Thế C thực hiện và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Cấp quyền sử dụng đất huyện H, vào ngày 13/9/2018.

Nay BIDV đề nghị, trường hợp bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng BIDV.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị M không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú. Tòa án đã đăng nội dung thông tin tìm kiếm trên phương tiện

thông tin đại chúng, trên Báo nhân dân ra các số 23865, 23866 và 23867, ra trong các ngày 25, 26 và 27 tháng 02/2021); Đài tiếng nói Việt Nam VOV được phát sóng trong 03 kỳ liên tiếp vào các ngày mùng 04, 05 và 06/03/2021. Thông tin tìm kiếm cũng được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, đến nay bà Lê Thị M cũng không có mặt để tham gia phiên tòa.

Về tài sản bảo đảm: Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, xác định thửa đất thế chấp có tứ cận: Phía Đông tiếp giáp với gia đình ông Nguyễn Văn M; Phía Tây tiếp giáp với ngõ đi chung, lối đi rộng 1,59m; Phía Nam tiếp giáp với đường trục chính của thôn, rộng 5m; Phía bắc tiếp giáp gia đình ông Vũ Văn D. Tài sản trên đất gồm nhà 02 tầng, tầng 1 đổ bê tông, tầng hai được lợp tôn che mái (Tình trạng nhà đóng cửa chỉ quan sát đo vẽ bên ngoài). Trước khi lập hồ sơ vay vốn thì tài sản của bà Lê Thị M được BIDV định giá là: 733.000.000đ.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn lần hai không có lý do. Người đại diện tham gia tố tụng cho BIDV vẫn giữ quan điểm như trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án. Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V. Buộc bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho BIDV đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng cộng: 676.649.178đ. Trường hợp không trả được nợ thì xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí KDTM sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng” giữa một bên là pháp nhân và bên vay có đăng ký kinh doanh, loại việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được Tòa án nhân dân Thị xã B thụ lý, giải quyết và được chuyển vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 35 và 39 của

BLTTDS. Thấy, việc chuyển vụ án để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ, vì bị đơn có địa chỉ cư trú và tài sản thế chấp tại thôn B, xã N, huyện H. Do bị đơn không có mặt tại nơi cư trú nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Các thủ tục tổng đạt cho bị đơn được thực hiện niên yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nhận thấy:

Tại HĐTD số 01/2018/6743698/HĐTD, xác lập ngày 13/9/2018, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V (sau đây gọi là BIDV) và bà Lê Thị M. Theo đơn xin vay vốn Ngân hàng thì, tiền vay được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, theo giấy Ủy nhiệm chi của bên vay là bà Lê Thị M, số 0098 và số 0100 cùng ngày 13/9/2018. Thẻ hiện, tại các tài khoản số: TK 505.10.00.0268339 tại Ngân hàng BIDV mang tên Lê Thị M -1 và TK số: 505.10.00.00.1213.8 tại Ngân hàng BIDV mang tên Đinh Văn C. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, không có căn cứ chứng minh bà Lê Thị M bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị M đã vi phạm nghĩa vụ, không trả lãi hàng tháng đầy đủ cho BIDV, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên số tiền dư nợ gốc trong hạn được chuyển nợ quá hạn từ ngày 13/8/2019. Nay BIDV yêu cầu bà Lê Thị M phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn trên nợ gốc và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là có căn cứ. Phù hợp các Điều 422, Điều 423 và 424 của Bộ luật dân sự 2015. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị M còn nợ BIDV tổng số tiền 676.649.178đ. (sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Căn cứ các Điều 275, Điều 290, Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bà Lê Thị M phải trả cho BIDV toàn bộ số tiền nợ trên và tiếp tục chịu lãi suất chậm trả trên nợ gốc cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thấy: Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 17/8/2018 thì chồng bà Lê Thị M đã chết từ ngày 25/12/2002, đến nay bà M chưa đăng ký kết hôn với ai. Bà Lê Thị M có khối tài sản riêng là nhà và đất ở hợp pháp, tại thửa số 242, tờ bản đồ số 4, diện tích đất được Nhà nước công nhận cấp quyền sử dụng đất 41m², tại thôn B, xã N, huyện H, mang tên bà Lê Thị M, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 10/9/2018. Việc thế chấp tài sản được thực hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2018/6743698/HĐBĐ ngày 12/9/2018 tại Văn phòng Công chứng H, do công chứng viên Vũ Thế C thực hiện và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Cấp quyền sử dụng đất huyện H vào ngày 13/9/2018. Tài sản bảo đảm của Bà Lê Thị M tại thời điểm thế chấp không có tranh chấp với người khác. Do đó, về giao dịch bảo đảm bằng quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là đúng quy định tại các Điều 317, Điều 318 và Điều 319 của Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, việc xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trong vụ án cần tuân theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Bà Lê Thị M có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, huyện H, sau khi nhận tiền vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ hàng tháng cho BIDV. Ngày 23/10/2019 Ngân hàng BIDV đã thông báo nợ quá hạn lần 1 cho bà Lê Thị M theo địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị M đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho BIDV biết. Tòa án đã tiến hành thông báo tìm kiếm đối với bà M trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng đến nay bà Lê Thị M vẫn không có mặt tại Tòa án để trình bày giải quyết vụ việc liên quan đến khoản tín dụng đã ký kết. Theo hướng dẫn điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt khỏi nơi cư trú, không thông báo nơi cư trú, làm việc mới cho nguyên đơn biết thì được coi là trường hợp cố tình lẩn tránh, cố tình dấu địa chỉ. Bản thân bà M biết được nghĩa vụ trả nợ của mình khi vay vốn Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ đã ký kết Hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng BIDV khởi kiện đối với bà M để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng thì không thuộc trường hợp Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện. Việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5]. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã B, Thanh Hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 144 của BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Bà Lê Thị M phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 180, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 280 ; khoản 2 Điều 292; Điều 295; khoản 1, 2 Điều 299; Điều 301; khoản 1 Điều 317; khoản 1 Điều 319, khoản 1 Điều 351;

khoản 1 Điều 357; khoản 1 Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 105, khoản 1 Điều 167 và khoản 1 Điều 168 của Luật đất đai 2013

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

2. Buộc Bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, tổng số tiền là: 676.649.178đ. (sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144 của BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị M phải nộp án phí có giá ngạch là 31.065.000đ (ba mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, số tiền tạm ứng án phí là 14.795.700đ (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng), tại biên lai thu số AA/2019/0007118 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, Thanh Hóa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả trên nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V, có quyền yêu cầu bên phải thi hành án bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp tại thửa 242, tờ bản đồ số 4, diện tích đất được Nhà nước công nhận cấp quyền sử dụng đất 41m² mang tên bà Lê Thị M để xử lý. Nếu không tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp thì bên nhận tài sản bảo đảm có quyền yêu cầu Thi hành án để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKS huyện H;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghi

Nơi nhận:

- VKS TP Sầm Sơn;
- Đương sự;
- Chi cục THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghi